

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2022 sang năm 2023 và phân bổ cho các cơ quan, đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 12655/BTC-NSNN ngày 01/12/2022 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022; Công văn số 13424/BTC-NSNN ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí năm 2022 cho Hội Văn học nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương để thực hiện chương trình hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật, báo chí theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 08/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1527-TB/TU ngày 28/02/2023; ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 155/HĐND-CTHĐND ngày 14/3/2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 39/TTr-STC ngày 06/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh năm 2022 sang năm 2023 và phân bổ cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện một số nhiệm vụ, số tiền: 5.666.000.000đ (Năm tỷ, sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Cụ thể như sau:

- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, số tiền: 5.046.000.000đ, trong đó:

+ Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn: 4.998.000.000đ;

+ Công ty lâm nghiệp Mai Sơn: 48.000.000đ.

(chi tiết theo biểu đính kèm)

- Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật, báo chí, số tiền: 620.000.000đ, trong đó:

+ Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh : 460.000.000đ.

+ Hội Nhà báo: 160.000.000đ.

Điều 2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh hạch toán chuyên số kinh phí nêu trên sang năm 2023 và cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí cấp bổ sung đảm bảo đúng mục đích, tuân thủ quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; KBNN tỉnh; Công ty lâm nghiệp Mai Sơn; Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh; Hội Nhà báo và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH._{Hài}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Kinh phí (triệu đồng)
	Tổng cộng		5.046
A	Kinh phí giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT	5.380,90	4.998
I	BQL rừng phòng hộ Sơn Động	1.797,30	1.395
1	Khoán bảo vệ rừng	1.797,30	555
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	1.797,30	521
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	<i>1.797,30</i>	<i>521</i>
-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	1.797,30	18
-	Kinh phí chi quản lý (3%)	1.797,30	16
2	Cắm mốc ranh giới lâm phận		840
II	BQL rừng phòng hộ Cẩm Sơn		700
1	Cắm mốc ranh giới lâm phận		700
III	BQL bảo tồn Tây Yên Tử		1.290
1	Hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng		65
-	Hỗ trợ 100.000 đ/ha trên tổng diện tích giao quản lý	<i>646,00</i>	<i>65</i>
2	Cắm mốc ranh giới lâm phận		825
3	Kinh phí hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm 40tr/1CD x 10 cộng đồng		400
IV	Chi cục Kiểm lâm	3.583,60	1.613
1	Hỗ trợ bảo vệ rừng	3.583,60	1.113
1.1	<i>Hạt Kiểm lâm Sơn Động</i>	<i>1.266,70</i>	<i>391</i>
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	1.266,70	367
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	<i>1.266,70</i>	<i>367</i>
-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	1.266,70	13
-	Kinh phí chi quản lý (3%)	1.266,70	11
1.2	<i>Hạt Kiểm lâm Lục Ngạn</i>	<i>601,10</i>	<i>193</i>
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	601,10	174
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	<i>601,10</i>	<i>174</i>
-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	601,10	6
-	Kinh phí chi quản lý (7%)	601,10	12
1.3	<i>Hạt Kiểm lâm Lục Nam</i>	<i>1.224,10</i>	<i>378</i>
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	1.224,10	355
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	<i>1.224,10</i>	<i>355</i>
-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	1.224,10	12
-	Kinh phí chi quản lý (3%)	1.224,10	11
1.4	<i>Hạt Kiểm lâm Yên Thế</i>	<i>289,30</i>	<i>89</i>
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	289,30	84
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	<i>289,30</i>	<i>84</i>

-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	289,30	3
-	Kinh phí chi quản lý (3%)	289,30	3
1.5	<i>Hạt Kiểm lâm Tân Việt Hòa</i>	202,40	62
-	Tổng diện tích khoán BVR, trong đó:	202,40	59
+	<i>Diện tích hỗ trợ 290.000 đ/ha</i>	202,40	59
-	Lập hồ sơ khoán (10.000 đ/ha)	202,40	2
-	Kinh phí chi quản lý (3%)	202,40	2
2	Kinh phí chi hoạt động đặc thù BVR thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (NSTW)		500
-	Công tác PCCCR		240
	Tập huấn nghiệp vụ quản lý lửa rừng (7 lớp/năm * 18trđ/lớp)		126
	Thi tìm hiểu Luật BVR, PCCCR 03 cuộc x 38trđ/cuộc		114
-	Tuần tra truy quét ngăn chặn hành vi phá rừng và xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp (Xăng dầu đi tuần tra, truy quét, ngăn chặn và xử lý vi phạm ...)		80
-	Diễn tập PCCCR cấp xã 1 cuộc x 150trđ/cuộc		150
-	Kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình MTPTLNBV		30
B	Kinh phí giao cho Công ty Lâm nghiệp Mai Sơn		48
	Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng	161	48